TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/DS-ST
Ngày: 14/5/2018
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S , THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Đông Thanh
- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Kim Thành
Ông Nguyễn Văn Đời
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Lành - Cán bộ Tòa án nhân dân quận S , thành phố Đà Nẵng.

Ngày 14 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 24/2018/TLST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2018 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2018/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2018; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Bùi Tuấn V**, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ 182 phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng.
- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:*
+ Bà **Trần Ngọc Khánh Q**, sinh năm 1993
+ Bà **Nguyễn Thị Minh P**, sinh năm 1995
Cùng địa chỉ: Số 31 Trần P, quận H, thành phố Đà Nẵng. *(Theo văn bản ủy quyền ngày 19/12/2017). Có mặt.*
- *Bị đơn:* Ông **Trần Thanh H ;** địa chỉ: Số 145 Lê Văn T, phường M , quận S , thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt lần 02 không có lý do..*
- N*gười có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông **Huỳnh Ngọc T**; địa chỉ: Số 52 Nguyễn Đức A, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng. *Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện và khởi kiện bổ sung gửi đến Toà án ngày 19/12/2017; 23/01/2018; bản tự khai ngày 10/5/2018 và quá trình tố tụng tại*

Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh P trình bày:

Ngày 28/12/2015, ông Trần Thanh H và ông Huỳnh Ngọc T đã cùng nhau ký kết giấy mượn tiền. Theo đó, ông Bùi Tuấn V đồng ý cho ông H vay số tiền 300.000.000 đồng. Ông H có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản vay cho ông V theo 02 đợt, cụ thể: Đợt 01 trả 200.000.000 đồng vào ngày 28/3/2016 và đợt 02 trả 100.000.000 đồng vào ngày 01/4/2016.

Việc giao dịch có sự bảo lãnh của ông Huỳnh Ngọc T trong trường hợp ông H không thanh toán khoản vay, bên bảo lãnh sẽ chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay thay cho ông H .

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ theo cam kết nhưng ông H và bên bảo lãnh vẫn không thực hiện mặc dù ông V đã nhiều lần liên hệ đề nghị ông H và bên bảo lãnh phải trả số nợ trên nhưng ông H và bên bảo lãnh không thực hiện và cũng không có thiện chí trả nợ nên ông V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H và bên bảo lãnh phải liên đới thanh toán số nợ 300.000.000 đồng và số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn tạm tính từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp của ông V bị xâm phạm (01/4/2016 đến ngày 01/12/2017) là: 47.500.000 đồng.

Trong quá trình Tòa án thụ lý hồ sơ thì ngày 25/12/2017, ông H có thanh toán cho ông V số tiền 100.000.000 đồng và hẹn sẽ thanh toán số tiền còn lại chậm nhất vào ngày 13/01/2018. Tuy nhiên, đến thời hạn nêu trên, Ông H vẫn không thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào cho ông V. Do đó, ông V yêu cầu ông H và bên bảo lãnh phải liên đới thanh toán cho ông V số tiền nợ gốc còn lại là 200.000.000 đồng *(hai trăm triệu đồng)* và tổng số tiền lãi phát sinh là 50.000.000 đồng *(năm mươi triệu đồng).* Tổng số tiền mà ông V và bên bảo lãnh phải thanh toán cho ông V là 250.000.000 đồng *(hai trăm năm mươi triệu đồng).*

Tại bản tự khai ngày 10/5/2018, ông V thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Buộc ông H thanh toán cho ông V số tiền nợ là 252.725.000 đồng *(hai trăm năm mươi hai triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng),* bao gồm:

Số tiền nợ gốc là: 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), số tiền lãi do chậm trả là 52.725.000 đồng *(năm mươi hai triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng),* bao gồm các khoản sau:

Số tiền lãi phát sinh trên 300.000.000 đồng tiền nợ gốc trong khoảng thời gian từ ngày 02/04/2016 đến ngày 25/12/2017 (20 tháng và 23 ngày) với mức lãi suất là 9%/năm (tương đương 0,75%/tháng, 0,025%/ngày) là 46.725.000 đồng *(bốn mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng).* Cụ thể:

300.000.000 đồng X (0,75%/tháng X 20 tháng + 0,025%/ngày X 23 ngày) = 46.725.000 đồng

Số tiền lãi phát sinh trên 200.000.000 đồng tiền nợ gốc sau khi đã khấu trừ trong khoảng thời gian từ ngày 14/01/2018 đến ngày 14/05/2018 (04 tháng) với mức lãi suất là 9%/năm (tương đương 0,75%/tháng) là 6.000.000 đồng *(sáu triệu đồng)*. Cụ thể:

200.000.000 đồng X 04 tháng X 0,75%/tháng = 6.000.000 đồng

Trường hợp ông H không thể thực hiện được nghĩa vụ thì yêu cầu bên bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của mình bằng việc thanh toán toàn bộ khoản nợ tồn đọng nêu trên cho ông V.

Tại bản tự khai ngày 15/02/2018; ngày 09/5/2018 và quá trình tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Ngọc T trình bày:

Tôi xác nhận ngày 28/12/2015, tôi có viết vào giấy mượn tiền của ông Trần Thanh H như sau: "Tôi bảo lãnh cho ông Trần Thanh H đến ngày ông H không trả tôi trả". Nghĩa là, ông H có mượn tiền của ông Bùi Tuấn V 300.000.000 đồng hẹn trả số tiền trên như sau: Ngày 28/3/2016 trả 200.000.000 đồng; ngày 01/4/2016 trả 100.000.000 đồng. Thực tế, tôi không nhận bất cứ khoản tiền nào từ ông V hay ông H, việc này ông V cũng biết nhưng do có mối quan hệ quen biết với ông H nên tôi xác nhận bảo lãnh để ông V cho H được mượn số tiền trên. Trong thời gian ông V gửi đơn khởi kiện đến Tòa án thì ông H đã trả được 100.000.000 đồng, số tiền còn lại tôi đề nghị ông H phải có trách nhiệm trả cho ông V. Trong trường hợp ông H không trả được nợ và không có tài sản để trả số nợ trên thì lúc đó tôi sẽ tự nguyện thực hiện việc bảo lãnh của mình theo đúng quy định của pháp luật.

**** Bị đơn ông Trần Thanh H đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến nên không có lời khai của ông H trong hồ sơ vụ án và không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cung cấp cũng như ý kiến về việc có hay không yêu cầu phản tố.***

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn ông Bùi Tuấn V với bị đơn ông Trần Thanh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Ngọc T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ông Trần Thanh H (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông H .

[2]. Về nội dung vụ án:

Do cần tiền để giải quyết công việc làm ăn nên ngày 28/12/2015, ông H có viết giấy mượn của ông V số tiền 300.000.000 đồng và hẹn thời gian trả, vào ngày 28/3/2016 trả 200.000.000 đồng và ngày 01/4/2016 trả 100.000.000 đồng. Để ông H được mượn số tiền trên của ông V , ông T là bạn của ông H đã xác nhận bảo lãnh cho ông H đến ngày ông H không trả thì ông trả.

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông H không trả và không có thiện chí trả nợ, mặc dù ông V đã nhiều lần yêu cầu ông H và bên bảo lãnh phải trả số tiền trên nhưng ông H vẫn không thực hiện nên ông V khởi kiện. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H chỉ mới trả được 100.000.000 đồng, số tiền còn lại 200.000.000 đồng *(hai trăm triệu đồng)* ông H hẹn sẽ thanh toán chậm nhất vào ngày 13/01/2018. Tuy nhiên, đến nay ông H vẫn không thực hiện nên ông V và người đại diện theo ủy quyền của ông V yêu cầu ông H phải trả số tiền 252.725.000 đồng *(hai trăm năm mươi hai triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng)*. Trong đó, nợ gốc 200.000.000 đồng; nợ lãi lãi tính đến thời điểm xét xử ngày 14/5/2018 là: 52.725.000 đồng.

Trường hợp ông H không thể thực hiện được nghĩa vụ thì yêu cầu bên bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của mình bằng việc thanh toán toàn bộ khoản nợ tồn đọng nêu trên cho ông V.

Về phía người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Ngọc T xác nhận: Ông H có viết giấy mượn của ông V số tiền 300.000.000 đồng để giải quyết công việc làm ăn, đồng thời ông cũng thừa nhận mình viết vào giấy bảo lãnh cho ông H mượn tiền trên của ông V. Trong thời gian ông V gửi đơn khởi kiện đến Tòa án thì ông H đã trả được 100.000.000 đồng, số tiền còn lại ông đề nghị ông H phải có trách nhiệm trả cho ông V. Trong trường hợp ông H không trả được nợ và không có tài sản để trả số nợ trên thì lúc đó ông sẽ tự nguyện thực hiện việc bảo lãnh của mình như cam kết.

[3]. Hội đồng xét xử xét thấy:

Giao dịch dân sự giữa nguyên đơn ông Bùi Tuấn V với bị đơn ông Trần Thanh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Ngọc T là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Tại giấy mượn tiền ngày 28/12/2015, thể hiện ông H có viết mượn của ông V số tiền 300.000.000 đồng và hẹn thời gian trả vào các đợt như sau:

Ngày 28/3/2016 trả 200.000.000 đồng

Ngày 01/4/2016 trả 100.000.000 đồng.

Tuy nhiên, ông H đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, đã nhiều lần ông V yêu cầu ông H trả số tiền nợ 300.000.000 đồng nhưng đến ngày 25/12/2017, ông H chỉ mới trả được 100.000.000 đồng và hẹn ngày 13/01/2018 sẽ trả số tiền còn lại 200.000.000 đồng, tuy nhiên đến hạn mà ông H vẫn không trả được. HĐXX xét thấy, ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, là bên có lỗi trong việc thực hiện thỏa thuận đã ký kết trong giấy mượn tiền. Việc khởi kiện của ông V yêu cầu Tòa án buộc ông H phải trả số tiền còn nợ trên là có căn cứ, phù hợp với Điều 290; 471 và 474 của Bộ luật dân sự năm 2005.

[4]. Đối với bên bảo lãnh là ông Huỳnh Ngọc T xác nhận có bảo lãnh cho ông H mượn tiền của ông V và đề nghị ông H phải trả cho ông V số tiền nợ còn lại. Trong trường hợp ông H không trả được nợ và không có tài sản để trả số nợ trên thì lúc đó ông sẽ tự nguyện thực hiện việc bảo lãnh của mình theo đúng quy định của pháp luật. HĐXX xét thấy, đây là sự tự nguyện của ông T về việc bảo lãnh trả nợ thay cho ông H nên được ghi nhận.

[5]. Xét về yêu cầu tính lãi thì thấy: Trong giấy mượn tiền ngày 28/12/2015 không thể hiện việc các đương sự thỏa thuận về lãi suất, tuy nhiên do ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông V nên ông V tính lãi suất kể từ ngày bị xâm phạm, cụ thể như sau:

Số tiền lãi được tính ở 02 thời điểm:

+ Đối với khoản tiền lãi của số tiền 300.000.000 đồng tính từ ngày 02/4/2016 đến ngày 25/12/2017 là (20 tháng 23 ngày), với lãi suất 9%/năm, tương đương 0,75%/tháng, 0,025%/ngày. Cụ thể:

300.000.000 đồng x {(0,75% x 20 tháng) + (0,025% x 23 ngày)} = 46.725.000 đồng.

+ Đối với khoản tiền lãi của số tiền 200.000.000 đồng nợ gốc còn lại sau khi đã khấu trừ được tính từ ngày 14/01/2018 đến ngày xét xử 14/5/2018 là 04 tháng, với lãi suất 9%/năm, tương đương 0,75%/tháng. Cụ thể:

200.000.000 đồng x (0,75% x 04 tháng) = 6.000.000 đồng.

Số tiền lãi của 02 thời điểm ông H phải chịu là:

46.725.000 đồng + 6.000.000 đồng = 52.752.000 đồng. Yêu cầu tính lãi của ông V là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005, nên được chấp nhận.

Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Tuấn V, buộc ông Trần Thanh H phải trả số tiền 252.752.000 đồng. Trong đó: nợ gốc là: 200.000.000 đồng; nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 14/5/2018 là: 52.752.000 đồng).

[5]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn là ông Bùi Tuấn V được chấp nhận nên bị đơn ông Trần Thanh H phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Cụ thể số tiền ông Trần Thanh H phải chịu là (252.752.000 đồng x 5%) = 12.637.600 đồng.

Hoàn trả cho ông Bùi Tuấn V số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 290; 471 và 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* của ông Bùi Tuấn V đối với ông Trần Thanh H.

Xử:

1. Buộc ông Trần Thanh H phải trả cho ông Bùi Tuấn V số tiền 252.752.000 đồng *(hai trăm năm mươi hai triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn đồng)*. Trong đó: nợ gốc là 200.000.000 đồng; nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 14/5/2018 là: 52.752.000 đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của bên bảo lãnh là ông Huỳnh Ngọc T: Trong trường hợp ông Trần Thanh H không trả được nợ và không có tài sản để trả nợ cho ông Bùi Tuấn V thì bên bảo lãnh là ông T có trách nhiệm trả nợ thay cho ông Trần Thanh H .

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi

của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí DS- ST: 12.637.600 đồng *(Mười hai triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn sáu trăm đồng)* ông Trần Thanh H phải chịu.

Hoàn trả cho ông Bùi Tuấn V số tiền 6.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 8524 ngày 06/02/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- Đương sự;
- Viện KSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Đông Thanh